

Số: 1234 /ĐA- BVT

Ninh Thuận, ngày 09 tháng 5 năm 2024

## ĐỀ ÁN

**Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với viên chức thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận năm 2024**

### I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

#### 1. Sự cần thiết:

Đội ngũ nhân viên làm việc tại Bệnh viện tỉnh có vai trò hết sức quan trọng, là lực lượng quyết định trực tiếp đến chất lượng điều trị và chăm sóc người bệnh và sự phát triển của hệ thống y tế. Phát triển và nâng cao năng lực đội ngũ viên chức là yếu tố then chốt, quan trọng nhất, quyết định sự thành bại của sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Trong đó, xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu chức danh theo vị trí việc làm, đảm bảo về chất lượng là một trong những giải pháp hết sức quan trọng và cấp thiết để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Một trong các giải pháp đó là việc thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng, chính sách tiền lương, phụ cấp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) viên chức nhằm đảm bảo hợp lý về cơ cấu các CDNN trong các khoa, phòng trong Bệnh viện đảm nhiệm được sứ mạng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trong tỉnh.

Việc thăng hạng CDNN cho viên chức bệnh viện từ hạng IV lên hạng III là một trong những giải pháp quan trọng nhằm đảm bảo kịp thời về chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ viên chức tại đơn vị đồng thời động viên, khuyến khích đội ngũ nhân viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác, yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị và phù hợp với quy định hiện hành về quản lý viên chức.

Đối với mỗi viên chức tại bệnh viện được tham dự thăng hạng CDNN là cơ hội để kiểm tra và khẳng định mình trong quá trình rèn luyện, thăng tiến nghề nghiệp. Việc thăng hạng CDNN là một trong những nội dung quan trọng trong công tác xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên của đơn vị.

Đến nay hệ thống các văn bản liên quan đến công tác thăng hạng CDNN đối với viên chức đã được ban hành. Căn cứ quy định về việc tổ chức thăng hạng CDNN đối với viên chức. Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng CDNN viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2024.

Đề án được phê duyệt sẽ góp phần quan trọng trong việc giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách cho đội ngũ nhân viên bệnh viện; thúc đẩy nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đồng thời tạo điều kiện cho Bệnh viện thực hiện kịp thời và đầy đủ chính sách đối với đội ngũ nhân viên trong đơn vị.



## **2. Cơ sở pháp lý**

Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

Các Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp đối với viên chức của Bộ Y tế và các Bộ, Ngành liên quan;

Thông tư 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng, công chức, viên chức;

Quyết định số 49/2012/QĐ-UBND ngày 11/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Quy định về thẩm quyền tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy Bệnh viện Đa khoa tỉnh trực thuộc Sở Y tế;

Quyết định số 672/QĐ-UBND ngày 01/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2023-2025 đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế;

Quyết định số 1632/QĐ-BVT ngày 15/11/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh về việc phê duyệt Đề án xác định vị trí việc làm Bệnh viện đa khoa tỉnh.

## **II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC XÉT THĂNG HẠNG**

### **1. Mục đích, yêu cầu**

#### **1.1. Mục đích.**

- Nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ viên chức của đơn vị, đáp ứng đúng yêu cầu công việc tại vị trí việc làm đang được phân công; nâng cao chất lượng cung



cấp dịch vụ công khám, chữa bệnh cho người dân, góp phần chăm sóc sức khỏe nhân dân trong, ngoài tỉnh và thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với viên chức.

- Động viên, khích lệ đội ngũ nhân viên y tế tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác, đáp ứng yêu cầu cơ cấu, vị trí việc làm của đơn vị đồng thời đảm bảo quyền lợi, lợi ích chính đáng của viên chức.

### 1.2. Yêu cầu.

- Thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; bảo đảm bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

- Viên chức phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

**2. Nguyên tắc thực hiện:** Kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức theo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

## III. SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG

1. Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức đối với từng vị trí việc làm của đơn vị (đã được phê duyệt): 1.113 viên chức/1.220 người

- Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, điều hành: 142 người;
- Nhóm vị trí chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành y tế: 844 người;
- Nhóm vị trí chuyên môn nghiệp vụ dùng chung: 127 người;
- Nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 107 người. (HDLĐ)

2. Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có, nhu cầu bố trí theo vị trí việc làm và đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2024. (Phụ lục 3).

2.1. Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có, nhu cầu bố trí theo vị trí việc làm:

+ Bác sĩ (hiện có/nhu cầu): 201/272 người. Trong đó: Hạng II: 22/60 người; Hạng III: 175/212 người.

+ Điều dưỡng (hiện có/nhu cầu): 333/436 người. Trong đó: Hạng I: 00 người; Hạng II: 00 người; Hạng III: 98/197 người; Hạng IV: 235/237 người.

+ Y sĩ (hiện có/ nhu cầu): 10/10 người

+ Hộ sinh (hiện có/nhu cầu): 63/71 người. Trong đó: Hạng I: 00 người; Hạng II: 00 người; Hạng III: 08/29 người; Hạng IV: 55/42 người.

+ Kỹ thuật y (hiện có/nhu cầu): 80/123 người. Trong đó: Hạng I: 00 người; Hạng II: 02/09 người; Hạng III: 28/48 người; Hạng IV: 50/66 người.



+ Dược sĩ (hiện có/nhu cầu): 52/60 người. Trong đó: Hạng I: 00 người; Hạng II: 00/03 người; Hạng III: 16/22 người; Hạng IV: 36/35 người.

+ Chuyên viên (hiện có/nhu cầu): 27/45 người. Trong đó: chuyên viên chính: 00/01 người; Chuyên viên: 20/44 người; Cán sự: 07/00 người.

+ Kế toán viên (hiện có/nhu cầu): 60/67 người. Trong đó: Kế toán viên chính 00/01 người; Kế toán viên: 29/56 người; Kế toán viên trung cấp: 31/10 người.

+ Lưu trữ viên (hiện có/nhu cầu): 01/01 người. Trong đó: Lưu trữ viên hạng III: 01/01 người.

+ Văn thư (hiện có/nhu cầu): 01/00 người. Trong đó: hạng IV: 01/00 người.

+ Kỹ sư (hiện có/nhu cầu): 20/26 người. Trong đó: Kỹ sư: 14/26; Kỹ thuật viên 06/00 người

+ Nhân viên khác (hiện có/ nhu cầu): 10/10 người

2.2. Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2024

Sau khi thực hiện việc rà soát số lượng, cơ cấu chức danh nghề, Bệnh viện Đa khoa tỉnh xác định tổng số nhu cầu viên chức hạng III theo các chức danh nghề nghiệp của đơn vị là 637 người; hiện có 389 người, còn thiếu 248 người.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2024 là 82 chỉ tiêu, cụ thể như sau:

+ Bác sĩ hạng III: 04 người / nhu cầu 37 người

+ Điều dưỡng hạng III: 40 người/ nhu cầu 99 người

+ Hộ sinh hạng III: 10 người/ nhu cầu 21 người

+ Kỹ thuật y hạng III: 06 người/ nhu cầu 20 người

+ Dược sĩ hạng III: 04 người/ nhu cầu 06 người

+ Chuyên viên hạng III: 03 người/ nhu cầu 24 người

+ Kế toán viên hạng III: 15 người/ nhu cầu 27 người

3. Số lượng viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được dự xét thăng hạng đối với từng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III là 140 người. (Phụ lục 4).

+ Bác sĩ hạng III: 04 người / chỉ tiêu 04 người

+ Điều dưỡng hạng III: 78 người/ chỉ tiêu 40 người

+ Hộ sinh hạng III: 14 người/ chỉ tiêu 10 người

+ Kỹ thuật y hạng III: 12 người/ chỉ tiêu 06 người

+ Dược sĩ hạng III: 09 người/ chỉ tiêu 04 người

+ Chuyên viên hạng III: 03 người/ chỉ tiêu 03 người

+ Kế toán viên hạng III: 20 người/ chỉ tiêu 15 người



## **IV. DỰ KIẾN HỘI ĐỒNG VÀ CÁC BỘ PHẬN GIÚP VIỆC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC**

### **1. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.**

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức Bệnh viện do Giám đốc Bệnh viện quyết định thành lập gồm 5 thành viên. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Bệnh viện, các ủy viên Hội đồng là Trưởng, phó trưởng phòng chức năng Bệnh viện, trong đó Trưởng phòng Tổ chức cán bộ bệnh viện là Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng.

- Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; Điều 33 Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng xét thăng hạng:

Chủ tịch, các thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 33 Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ.

Không bố trí những người có tên trong danh sách dự xét thăng hạng hoặc người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự xét thăng hạng; những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

### **2. Ban thẩm định hồ sơ kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và Bộ phận giúp việc**

- Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức do Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng quyết định thành lập. Ban thẩm định hồ sơ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 34 Thông tư 06/2020/TT-BNV của Bộ Nội vụ; các bộ phận giúp việc thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

### **3. Ban giám sát kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

- Ban giám sát kỳ xét thăng hạng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 36 Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ.

## **V. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HẠNG IV LÊN HẠNG III**

### **1. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thăng hạng**

Thực hiện theo Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính Phủ,



cụ thể:

1. Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp quy định cụ thể như sau:

- Thăng hạng lên bác sĩ hạng III: Điều 6, Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV; Khoản 5, 6 Điều 1 Thông tư 03/2022/TT-BYT.

- Thăng hạng lên điều dưỡng hạng III, hộ sinh hạng III, kỹ thuật y hạng III: Điều 5, Điều 8, Điều 11 Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV; Khoản 3, 4, 8, 9, 13, 14 Điều 3 Thông tư 03/2022/TT-BYT.

- Thăng hạng lên dược sĩ hạng III: Điều 6 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV; Khoản 5, 6 Điều 4 Thông tư 03/2022/TT-BYT.

- Thăng hạng lên Chuyên viên hạng III: Điều 7 Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021; Khoản 5, 6 Điều 1 Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022.

- Thăng hạng lên Kế toán viên hạng III: Điều 7 Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/6/2022.

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, cụ thể như sau:

- Trình độ tin học: có khả năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (có chứng chỉ tin học trình độ A trở lên)

- Về trình độ ngoại ngữ: sử dụng được ngoại ngữ (có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B trở lên (một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc) hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ giáo dục và Đào tạo gồm: TOEFL PBT 400; TOEFL CBT 97; TOEFL ITP 400; TOEFL IBT 30; IELTS 3.0; TOEIC 350 trở lên).

- Có chứng chỉ hành nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu của từng chức danh nghề nghiệp dự xét.

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

+ Đối với chức danh Bác sĩ (hạng III): Có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

+ Đối với chức danh Điều dưỡng hạng III, Hộ sinh hạng III, Kỹ thuật y hạng III,



Được sĩ hạng III: Phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (12 tháng) giữ chức danh hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

+ Đối với chức danh kế toán viên: Phải đang giữ ngạch kế toán viên trung cấp và có thời gian giữ ngạch kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó phải có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ ngạch kế toán viên trung cấp tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

+ Đối với chức danh chuyên viên: Có thời gian giữ ngạch cán sự và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch cán sự thì thời gian giữ ngạch cán sự tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng.

## **2. Hình thức, nội dung xét thăng hạng**

- Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của chính phủ.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

- Cách tính điểm: Chấm điểm hồ sơ dựa trên tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của chính phủ.

## **VI. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG (theo quy định tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của chính phủ)**

**1. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng CDNN:** người được xác định trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng CDNN phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Bảo đảm đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức xem xét, thẩm định.

- Xác nhận viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

+ Viên chức là nữ

+ Viên chức là người dân tộc thiểu số

+ Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh)

+ Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

- Trường hợp không xác định được người trúng tuyển thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

## **2. Thông báo kết quả xét thăng hạng.**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng



hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Giám đốc bệnh viện phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển; niêm yết tại đơn vị đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của Bệnh viện.

### **3. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức khi trúng tuyển trong kỳ thăng hạng.**

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Giám đốc bệnh viện thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

- Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **VII. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM XÉT THĂNG HẠNG**

**1. Thời gian:** Thời gian thu nhận hồ sơ dự xét thăng hạng: 30 ngày kể từ ngày thông báo

+ Dự kiến: trong tháng 7/2024.

### **2. Địa điểm:**

+ Địa điểm nhận hồ sơ xét thăng hạng: phòng Tổ chức cán bộ Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận: đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

## **VIII. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG**

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, bao gồm:

- Phiếu đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;
- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định.
- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét thăng hạng (bác sĩ hạng III, điều dưỡng hạng III, kỹ thuật y hạng III, dược sĩ hạng III, chuyên viên, lưu trữ viên hạng III, kế toán viên) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực; Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức



danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

- Bản sao các quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, Quyết định nâng bậc lương cuối cùng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Bản khai thành tích nghiên cứu khoa học 5 năm (2019 - 2023)

- Bản khai kết quả đánh giá, phân loại viên chức 5 năm (2019 - 2023)

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng được xếp theo đúng thứ tự kể trên và bỏ vào bì đựng có kích thước 250x340x5mm. Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, ứng viên có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu.

Việc lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thực hiện theo quy định tại Điều 38 Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

## **IX. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

### **1. Kinh phí tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.**

- Bệnh viện tỉnh tổ chức thu phí đối tượng đăng ký xét thăng hạng theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng, công chức, viên chức.

- Kinh phí tổ chức kỳ xét thăng hạng sử dụng từ nguồn thu lệ phí dự xét và nội dung chi theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật phí và lệ phí.

## **X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Giám đốc bệnh viện**

- Ban hành các quyết định: Thành lập Hội đồng xét thăng hạng; Ban Giám sát ký xét thăng hạng; Danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng; Phê duyệt kết quả xét thăng hạng; Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

- Chỉ đạo việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức kỳ xét thăng hạng viên chức.

### **2. Hội đồng xét thăng hạng.**

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP; Điều 33 Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

**3. Phòng Tổ chức cán bộ Bệnh viện:** là đơn vị thường trực của Hội đồng xét thăng hạng viên chức có nhiệm vụ:

- Tham mưu Giám đốc xây dựng Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp



viên chức từ hạng IV lên hạng III.

- Tham mưu cho Giám đốc phê duyệt các quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng viên chức; Ban giám sát kỳ xét thăng hạng viên chức; Ban thẩm định hồ sơ và các bộ phận giúp việc của Hội đồng.

- Giúp Hội đồng triển khai kế hoạch, tổng hợp và chuẩn bị các tài liệu liên quan, các điều kiện thiết yếu phục vụ các cuộc họp của Hội đồng xét thăng hạng và các Ban giúp việc của Hội đồng.

- Thông báo trang thông tin điện tử của Bệnh viện đa khoa tỉnh và niêm yết tại khu văn phòng Bệnh viện đa khoa tỉnh tài liệu, kết quả kỳ xét thăng hạng.

- Mua sắm văn phòng phẩm phục vụ công tác xét thăng hạng. Chuẩn bị, sắp xếp, bố trí nơi tổ chức sát hạch theo yêu cầu Hội đồng xét thăng hạng viên chức.

- Xây dựng kế hoạch kinh phí phục vụ xét thăng hạng viên chức; thu phí, lệ phí và cấp phát kinh phí theo quy định.

- Báo cáo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định.

- Lưu trữ, quản lý tài liệu.

#### **4. Các khoa, phòng liên quan đến kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

- Có trách nhiệm bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ cho việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức triệu tập các viên chức có đủ tiêu chuẩn tham gia vào các Ban của Hội đồng;

- Tạo điều kiện để nhân viên làm việc tại khoa, phòng tham gia dự tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đầy đủ;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác trong thời gian tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tại đơn vị theo sự phân công của Giám đốc Bệnh viện.

#### **5. Các viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

- Viên chức khi khai và nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III phải đảm bảo đúng thời gian của Đề án và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ của mình.

Bệnh viện đa khoa tỉnh báo cáo Sở Y tế xem xét, phê duyệt Đề án xét thăng hạng CDNN viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2024 để đơn vị tổ chức triển khai thực hiện

*(Đính kèm phụ lục:*

*- Mẫu 3: Báo cáo số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có/nhu cầu bố trí theo vị trí việc làm và đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III năm 2024;*

*- Mẫu 4: Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện xét chuyển ngạch thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ chức danh IV lên chức danh III năm 2024.)*



**Nơi nhận:**

- Sở Y tế;
- Ban Giám đốc;
- Các khoa - phòng;
- Lưu: VT, TCCB. (3)



**Lê Huy Thạch**









**BÁO CÁO**

**SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ/ NHU CẦU BỔ TRÍ THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM  
VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2024**

(Đính kèm theo Đề án 1244 /ĐA-BVT ngày 09 /5/2024 của Bệnh viện tỉnh)

Số TT	Tên chức danh nghề nghiệp	Tổng số theo đề án việc làm	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Nhu cầu bố trí theo vị trí việc làm và biên chế, số lượng người làm việc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt					Đề nghị số lượng, chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức						Ghi chú (Vị trí chức danh lãnh đạo)		
			CDNN hạng I	CDNN hạng II	CDNN hạng III	CDNN hạng IV	CDNN hạng V	CDNN hạng I	CDNN hạng II	CDNN hạng III	CDNN hạng IV	CDNN hạng V	CDNN hạng I và tương đương		CDNN hạng II và tương đương		CDNN hạng III và tương đương			CDNN hạng IV và tương đương	
													Số thiếu theo VTVL	Chỉ tiêu đăng ký thăng hạng	Số thiếu theo VTVL	Chỉ tiêu đăng ký thăng hạng	Số thiếu theo VTVL	Chỉ tiêu đăng ký thăng hạng		Số thiếu theo VTVL	Chỉ tiêu đăng ký thăng hạng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
1	Bác sĩ	268		22	172	4			60	208					38		36	4	-4		87
2	Bác sĩ YHDP	4			3					4					0		1		0		
3	Điều dưỡng	436			98	235			2	197	237				2		99	40	2		31
4	Y sĩ	10				10					10				0		0		0		
5	Hộ sinh	71			8	55				29	42				0		21	10	-13		1
6	Kỹ thuật y	123		2	28	50			9	48	66				7		20	6	16		6
7	Dược sĩ	60			16	36			3	22	35				3		6	4	-1		3
8	Chuyên viên	45			20	7			1	44					1		24	3	-7		5
9	Kế toán viên	67			29	31			1	56	10				1		27	15	-21		3
10	Lưu trữ viên	3			1					3					0		2		0		
11	Kỹ sư	26			14	6				26					0		12		-6		6
12	Văn thư	0				1									0		0		-1		
13	Nhân viên	107					10					107			0		0		0		
<b>TỔNG</b>		<b>1220</b>	<b>0</b>	<b>24</b>	<b>389</b>	<b>435</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>76</b>	<b>637</b>	<b>400</b>	<b>107</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>52</b>	<b>0</b>	<b>248</b>	<b>82</b>	<b>-35</b>	<b>0</b>	<b>142</b>



12

1991





**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT  
CHUYỂN NGẠCH THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH IV LÊN CHỨC DANH III NĂM 2024**  
(Đính kèm Đề án 1241 /ĐA-BVT ngày 09 /5/2024 của Bệnh viện tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Bộ phận, cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) (năm)	Mức lương hiện hưởng			Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự xét						Được miễn thi		Mã số CDNN dự xét	Ghi chú		
								Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Hệ số lương	Vượt khung	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN hoặc CCHN	Trình độ LLCT	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Có đề án, công trình	Tin học			Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký thi
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
<b>Chuyên viên</b>																						
1	Huỳnh Thị Minh Nghĩa	06/01/1978		x	Cán sự	HCQT	12	01.004	4,27		CN QTKD	BD ngạch chuyên viên			B	Anh B					01.003	
2	Phạm Trần Thu Tâm	14/08/1972		x	Cán sự	TCCB	24	01.004	4,27		CN Lưu trữ & QTVP	BD ngạch chuyên viên			A	Anh B					01.003	
3	Lê Thị Kim Khoanh	18/08/1984		x	Cán sự	QLCL	15	01.004	3,65		CN QTKD	BD ngạch chuyên viên			B	Anh B					01.003	
<b>Kế toán viên</b>																						
1	Trần Thị Thanh Nga	25/11/1982		x	Kế toán viên TC	TCKT	16	06.032	3,65		ThS Kế toán	BD ngạch Kế toán viên			Cơ bản	Anh B1					06.031	
2	Lê Văn Vinh	24/04/1979	x		Kế toán viên TC	TCKT	20	06.032	3,96		Thạc sĩ Quản lý kinh tế	BD ngạch Kế toán viên			Cơ bản	Anh B1					06.031	
3	Nguyễn Thị Cùa	28/04/1991		x	Kế toán viên TC	TCKT	10	06.032	2,72		CN Kế toán	BD ngạch Kế toán viên			A	Anh B					06.031	
4	Phạm Thị Bích Ngân	05/12/1992		x	Kế toán viên TC	TCKT	9	06.032	2,72		CN Kế toán	BD ngạch Kế toán viên			B	Anh B					06.031	
5	Trịnh Thị Tân	06/10/1984		x	Kế toán viên TC	TCCB	16	06.032	3,34		CN TCKT	BD ngạch Kế toán viên			B	Anh B					06.031	
6	Nguyễn Xuân Tuyết Hồng	27/10/1979		x	Kế toán viên TC	TCKT	21	06.032	3,96		CN Kinh tế	BD ngạch Kế toán viên			B	Anh B					06.031	



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
7	Hồ Thị Thanh Thúy	03/04/1985		x	Kế toán viên TC	VTYT	16	06.032	3,34		CN TCKT	BD ngạch Kế toán viên			A	Anh B					06.031	
8	Lê Hồng Ánh Vân	01/06/1986		x	Kế toán viên TC	TCKT	16	06.032	3,34		CN TCKT	BD ngạch Kế toán viên			A	Anh B					06.031	
9	Nguyễn Thị Mỹ Hương	05/05/1986		x	Kế toán viên TC	TCKT	15	06.032	3,34		CN Kế toán	BD ngạch Kế toán viên			A	Anh B					06.031	
10	Lê Nguyễn Kiều My	27/11/1986		x	Kế toán viên TC	TCKT	16	06.032	3,34		CN TCKT	BD ngạch Kế toán viên			Cơ bản	Anh B					06.031	
11	Nguyễn Thị Ngọc Tánh	10/09/1984		x	Kế toán viên TC	TCKT	16	06.032	3,34		CN Kế toán	BD ngạch Kế toán viên			A	Anh A2					06.031	
12	Dương Thị Mộng Dung	10/08/1985		x	Kế toán viên TC	TCKT	16	06.032	3,34		CN Kế toán	BD ngạch Kế toán viên			B	Anh A2					06.031	
13	Bạch Nguyễn Như Nhã	06/04/1985		x	Kế toán viên TC	TCKT	15	06.032	3,34		CN Kế toán	BD ngạch Kế toán viên			B	Anh B					06.031	
14	Trần Thị Hằng	03/07/1986		x	Kế toán viên TC	TCKT	15	06.032	3,34		CN Kế toán	BD ngạch Kế toán viên			A	Anh B					06.031	
15	Phạm Thị Thái Vân	22/10/1985		x	Kế toán viên TC	TCKT	13	06.032	3,03		CN TCKT	BD ngạch Kế toán viên			A	Anh B					06.031	
16	Phan Thị Ngọc Dung	26/03/1984		x	Kế toán viên TC	TCKT	12	06.032	3,03		CN Kế toán	BD ngạch Kế toán viên			Cơ bản	Anh B					06.031	
17	Lê Thị Thúy Ngân	16/12/1987		x	Kế toán viên TC	QLCL	12	06.032	3,03		CN Kế toán	BD ngạch Kế toán viên			B	Anh A2					06.031	
18	Nguyễn Thị Đan Hạ	14/08/1992		x	Kế toán viên TC	VTYT	9	06.032	2,72		CN Kế toán	BD ngạch Kế toán viên			B	Anh B					06.031	
19	Nguyễn Thị Bích Thuận	30/09/1984		x	Kế toán viên TC	TCKT	17	06.032	3,34		CN Kế toán	BD ngạch Kế toán viên			A	Anh B					06.031	
20	Trần Thị Hồng Ánh	20/03/1979		x	Kế toán viên TC	GTVT	15	06.032	3,34		CN Kế toán	BD ngạch Kế toán viên			A	Anh A2					06.031	
<b>Bác sĩ</b>																						
1	Võ Thị Quỳnh Hoa	07/10/1972		x	Y sĩ	Nhi	30	V.08.03.07	4,06	9%	BS CKI	CCHN			B	Anh B1					V.08.01.03	
2	Lê Thị Xuân	15/10/1987		x	Y sĩ	GTVT	13	V.08.03.07	3,06		Bác sĩ	CCHN			Cơ bản	Anh B					V.08.01.03	
3	Nguyễn Thị Minh Ý	27/12/1991		x	Y sĩ	Lão khoa	12	V.08.03.07	2,86		Bác sĩ	CCHN			Nâng cao	Anh B					V.08.01.03	
4	Lê Đức Thắng	13/7/1984	x		Y sĩ	GTVT	16	V.08.03.07	3,26		Bác sĩ	CCHN			Cơ bản	Anh A2					V.08.01.03	



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	<b>Điều dưỡng hạng III</b>																					
1	Võ Quảng Thụy Hằng	26/02/1988		x	Điều dưỡng hạng IV	Ngoại thân TN	13	V.08.05.13	3,34		CKI ĐD	CCHN		QLĐD	Cơ bản	Anh B						V.08.05.12
2	Trần Thị Cúc	10/08/1985		x	Điều dưỡng hạng IV	KSNK	15	V.08.05.13	3,34		CKI ĐD	CCHN			Cơ bản	Anh A2						V.08.05.12
3	Lộ Quang Khai	17/01/1987			Điều dưỡng hạng IV	HSTC-CD	13	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B1						V.08.05.12
4	Huỳnh Thị Hồng Diễm	25/06/1981		x	Điều dưỡng hạng IV	ĐTTYC	23	V.08.05.13	3,96		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B						V.08.05.12
5	Phạm Thị An	26/06/1981		x	Điều dưỡng hạng IV	Khám bệnh	18	V.08.05.13	3,65		CN Điều dưỡng	CCHN			Cơ bản	Anh B						V.08.05.12
6	Nguyễn Thị Thanh Vân	20/11/1983		x	Điều dưỡng hạng IV	Nội HH	16	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B						V.08.05.12
7	Hứa Thị Mộng Hào	08/01/1985		x	Điều dưỡng hạng IV	Sơ sinh	16	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			Cơ bản	Anh B						V.08.05.12
8	Lưu Thị Ngọc	05/09/1985		x	Điều dưỡng hạng IV	GMHS	17	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			Cơ bản	Anh B						V.08.05.12
9	Lưu Thị Thanh Truyền	02/06/1986		x	Điều dưỡng hạng IV	Khám bệnh	16	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B						V.08.05.12
10	Vũ Thị Hồng	04/12/1986		x	Điều dưỡng hạng IV	ĐTTYC	17	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B						V.08.05.12
11	Nguyễn Tiến Trọng	20/03/1984			Điều dưỡng hạng IV	GMHS	16	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B1						V.08.05.12
12	Lê Thị Hoài Hương	22/03/1985		x	Điều dưỡng hạng IV	Khám bệnh	17	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B						V.08.05.12
13	Nguyễn Thị Tố Nhi	10/11/1987		x	Điều dưỡng hạng IV	K-QLSK	15	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh A2						V.08.05.12
14	Đạo Thành Thị Mỹ Hồng	17/08/1984		x	Điều dưỡng hạng IV	Nội TM	15	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			Cơ bản	Anh B						V.08.05.12

BỆNH  
T  
NINH



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
15	Lê Thị Hồng Sương	07/10/1988		x	Điều dưỡng hạng IV	Sơ sinh	15	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh A2					V.08.05.12	
16	Đặng Thị Huệ	22/10/1987		x	Điều dưỡng hạng IV	Khám bệnh	15	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			Cơ bản	Anh A2					V.08.05.12	
17	Trương Văn Hoan	06/10/1985			Điều dưỡng hạng IV	Ngoại CT	15	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	
18	Nguyễn Thị Hồng Nhi	20/04/1988		x	Điều dưỡng hạng IV	GMHS	15	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh A2					V.08.05.12	
19	Trần Thị Thanh Thúy	10/04/1985		x	Điều dưỡng hạng IV	GMHS	15	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	
20	Nguyễn Thị Thu Thảo	19/08/1988		x	Điều dưỡng hạng IV	Khám bệnh	15	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh B					V.08.05.12	
21	Nguyễn Thị Thu Nga	11/11/1989		x	Điều dưỡng hạng IV	Cấp cứu	13	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			cơ bản	Anh B					V.08.05.12	
22	Nguyễn Thanh Tâm	05/12/1985			Điều dưỡng hạng IV	Sơ sinh	13	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			cơ bản	Anh B					V.08.05.12	
23	Lâm Thị Hoa	14/03/1989		x	Điều dưỡng hạng IV	Cấp cứu	13	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	
24	Lê Thị Thu Hiền	10/06/1988		x	Điều dưỡng hạng IV	Ngoại thận TN	13	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh B					V.08.05.12	
25	Phạm Thị Huyền	25/04/1985		x	Điều dưỡng hạng IV	Ngoại TK	13	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	
26	Trần Đức Châu	16/03/1978			Điều dưỡng hạng IV	Ngoại TK	13	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	
27	Đặng Thị Thanh Hằng	14/09/1989		x	Điều dưỡng hạng IV	Nhi	13	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh B					V.08.05.12	
28	Nguyễn Thị Diễm Uyên	09/11/1984		x	Điều dưỡng hạng IV	GMHS	13	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
29	Đào Thị Thanh Thủy	01/08/1984		x	Điều dưỡng hạng IV	Khám bệnh	13	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	
30	Hoàng Thị Ngọc Thảo	20/09/1989		x	Điều dưỡng hạng IV	GMHS	12	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh B					V.08.05.12	
31	Nguyễn Thị Đoan	26/07/1987		x	Điều dưỡng hạng IV	Ngoại CT	12	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	
32	Phạm Thị Kim Phước	01/01/1990		x	Điều dưỡng hạng IV	Ngoại TK	12	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			cơ bản	Anh B					V.08.05.12	
33	Dương Thị Thúy Ngân	30/01/1990		x	Điều dưỡng hạng IV	Ngoại CT	12	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	
34	Lê Thị Vượng	20/01/1989		x	Điều dưỡng hạng IV	Ngoại thận TN	12	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh B					V.08.05.12	
35	Võ Thị Kim Khánh	30/01/1988		x	Điều dưỡng hạng IV	ĐTTYC	12	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	
36	Thạch Thị Hồng Triết	05/05/1986		x	Điều dưỡng hạng IV	Nội HH	12	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh B					V.08.05.12	
37	Lê Thị Hương	25/12/1989		x	Điều dưỡng hạng IV	Khám bệnh	13	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh B					V.08.05.12	
38	Nguyễn Thị Huyền	20/08/1992		x	Điều dưỡng hạng IV	GPB	10	V.08.05.13	2,72		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh B					V.08.05.12	
39	Trần Thị Tư	01/07/1985		x	Điều dưỡng hạng IV	KHTH	10	V.08.05.13	2,72		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	
40	Nguyễn Thị Kim Thoa	21/01/1983		x	Điều dưỡng hạng IV	RHM	9	V.08.05.13	2,72		CN Điều dưỡng	CCHN			cơ bản	Anh B					V.08.05.12	
41	Nguyễn Thị Hồng Ngự	09/06/1990		x	Điều dưỡng hạng IV	Ngoại TK	8	V.08.05.13	2,72		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	
42	Nguyễn Thị Bích Ngân	30/04/1992		x	Điều dưỡng hạng IV	Khám bệnh	10	V.08.05.13	2,72		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	

NH  
 NH  
 NH  
 NH  
 NH



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
43	Lê Thị Quý Trọng	08/03/1992		x	Điều dưỡng hạng IV	Dinh dưỡng	8	V.08.05.13	2,72		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh B					V.08.05.12	
44	Phạm Thị Kim Hằng	02/10/1990		x	Điều dưỡng hạng IV	ĐTTYC	12	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh B					V.08.05.12	
45	Dương Thị Nở	05/08/1981		x	Điều dưỡng hạng IV	ĐTTYC	20	V.08.05.13	3,96		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	
46	Phùng Thị Thu Hương	14/05/1989		x	Điều dưỡng hạng IV	Cấp cứu	12	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh B					V.08.05.12	
47	Nguyễn Thị Thúy	02/09/1988		x	Điều dưỡng hạng IV	Cấp cứu	12	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	
48	Thành Hà Thu Thủy	17/01/1990		x	Điều dưỡng hạng IV	Nội TM	12	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh B					V.08.05.12	
49	Kiều Thị Thanh Thuận	02/11/1990		x	Điều dưỡng hạng IV	Nội TM	12	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			ơ bản	Anh B					V.08.05.12	
50	Năng Thị Tường Vi	03/07/1989		x	Điều dưỡng hạng IV	Nội TH	12	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			Cơ bản	Anh B					V.08.05.12	
51	Trần Thị Vân Anh	24/07/1988		x	Điều dưỡng hạng IV	ĐTTYC	15	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			ơ bản	Anh B					V.08.05.12	
52	Nguyễn Thị Kim Hân	03/04/1992		x	Điều dưỡng hạng IV	Nhi	9	V.08.05.13	2,72		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh B					V.08.05.12	
53	Huỳnh Thị Phương	20/07/1987		x	Điều dưỡng hạng IV	RHM	12	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh B					V.08.05.12	
54	Nguyễn Thị Tâm	23/09/1992		x	Điều dưỡng hạng IV	Ngoại TH	10	V.08.05.13	2,72		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh B					V.08.05.12	
55	Mai Thị Xuân Kim Huệ	05/06/1987		x	Điều dưỡng hạng IV	TDCN	10	V.08.05.13	2,72		CN Điều dưỡng	CCHN			ơ bản	Anh B					V.08.05.12	
56	Trần Thị Phương Kiều	01/05/1981		x	Điều dưỡng hạng IV	Cấp cứu	12	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
57	Đoàn Thị Ngân	02/03/1992		x	Điều dưỡng hạng IV	ĐTTYC	6	V.08.05.13	2,41		CN Điều dưỡng	CCHN			cơ bản	Anh B					V.08.05.12	
58	Bùi Văn Bông	04/09/1993			Điều dưỡng hạng IV	HSTC-CD	7	V.08.05.13	2,41		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh B					V.08.05.12	
59	Mai Thị Hà Duyên	03/07/1988		x	Điều dưỡng hạng IV	K-QLSK	14	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh B					V.08.05.12	
60	Nguyễn Đức Thảo	01/09/1982			Điều dưỡng hạng IV	KSNK	8	V.08.05.13	2,72		CN Điều dưỡng	CCHN			cơ bản	Anh B					V.08.05.12	
61	Nguyễn Thị Hồng Tiên	28/02/1992		x	Điều dưỡng hạng IV	HSTC-CD	8	V.08.05.13	2,41		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh A					V.08.05.12	
62	Nguyễn Hoàng Nhựt	12/12/1992			Điều dưỡng hạng IV	TDCN	8	V.08.05.13	2,72		CN Điều dưỡng	CCHN			cơ bản	Anh B					V.08.05.12	
63	Hoàng Nguyễn Yến Linh	31/08/1992		x	Điều dưỡng hạng IV	NTTN	10	V.08.05.13	2,72		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	
64	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	26/11/1993		x	Điều dưỡng hạng IV	Ung bướu	8	V.08.05.13	2,72		CN Điều dưỡng	CCHN			A	Anh B					V.08.05.12	
65	Huỳnh Thị Tới	09/07/1989		x	Điều dưỡng hạng IV	Lão học	13	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			cơ bản	Anh B					V.08.05.12	
66	Hồ Thị Hương Vy	25/05/1987		x	Điều dưỡng hạng IV	Nội HH	6	V.08.05.13	2,41		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B1					V.08.05.12	
67	Đỗ Văn Dũng	21/05/1985			Điều dưỡng hạng IV	Cấp cứu	13	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	
68	Huỳnh Thị Thùy Dung	08/05/1990		x	Điều dưỡng hạng IV	ĐTTYC	13	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			B	Anh B					V.08.05.12	
69	Nguyễn Thị Ánh Toàn	13/09/1993		x	Điều dưỡng hạng IV	GMHS	7	V.08.05.13	2,41		CN ĐD GMHS	CCHN			Cơ bản	Anh B1					V.08.05.12	
70	Võ Ngọc Hạnh	07/07/1990		x	Điều dưỡng hạng IV	GTVT	13	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			Cơ bản	Anh B					V.08.05.12	



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
71	Trần Thị Trà My	20/03/1988		x	Điều dưỡng hạng IV	GTVT	14	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			Cơ bản	Anh A2					V.08.05.12	
72	Từ Thị Như Dân	28/08/1988		x	Điều dưỡng hạng IV	GTVT	11	V.08.05.13	2,72		CN Điều dưỡng	CCHN			Cơ bản	Anh A2					V.08.05.12	
73	Phạm Thị Ánh Tuyết	12/04/1986		x	Điều dưỡng hạng IV	GTVT	16	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN			Cơ bản	Anh A2					V.08.05.12	
74	Nguyễn Thị Thu Hương	12/09/1985		x	Điều dưỡng hạng IV	GTVT	16	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN		QLĐĐ	Cơ bản	Anh A2					V.08.05.12	
75	Phan Thị Quỳnh Như	19/02/1987		x	Điều dưỡng hạng IV	Lão học	14	V.08.05.13	3,34		CN Điều dưỡng	CCHN		QLĐĐ	Cơ bản	Anh A2					V.08.05.12	
76	Đàng Thị Anh Thư	08/03/1986		x	Điều dưỡng hạng IV	Ngoại thận TN	14	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN			Cơ bản	Anh A2					V.08.05.12	
77	Phạm Hoàng Yến	06/09/1990		x	Điều dưỡng hạng IV	Nhi	12	V.08.05.13	3,03		CN Điều dưỡng	CCHN		QLĐĐ	Cơ bản	Anh A2					V.08.05.12	
78	Nguyễn Thị Thu Thúy	04/04/1986		x	Điều dưỡng hạng IV	Gây mê hồi sức	16	V.08.05.13	3,34		CN ĐD GMHS	Điều dưỡng			Cơ bản	Anh B					V.08.05.12	
<b>Hộ sinh hạng III</b>																						
1	Bùi Thị Nga	26/07/1986		x	Hộ sinh hạng IV	ĐTTYC	17	V.08.06.16	3,34		CN ĐD PS	CCHN			ơ bản	Anh B					V.08.06.16	
2	Trần Thị Minh Trúc	14/08/1990		x	Hộ sinh hạng IV	Sân	10	V.08.06.16	2,72		CN ĐD PS	CCHN			A	Anh B					V.08.06.16	
3	Nguyễn Lê Thùy Lan	14/09/1981		x	Hộ sinh hạng IV	Sân	21	V.08.06.16	3,96		CN ĐD PS	CCHN			B	Anh B					V.08.06.16	
4	Bình Minh Thị Bầy	20/07/1979		x	Hộ sinh hạng IV	Sân	17	V.08.06.16	3,65		CN ĐD PS	CCHN			ơ bản	Anh B					V.08.06.16	
5	Mai Thị Cẩm	13/03/1993		x	Hộ sinh hạng IV	Sân	8	V.08.06.16	2,72		CN ĐD PS	CCHN			A	Anh B					V.08.06.16	
6	Trần Thị Hoa Thơm	21/08/1987		x	Hộ sinh hạng IV	Sân	12	V.08.06.16	3,03		CN ĐD PS	CCHN			A	Anh B					V.08.06.16	
7	Thái Phạm Thị Diễm Thanh	20/07/1990		x	Hộ sinh hạng IV	Sân	10	V.08.06.16	2,72		CN ĐD PS	CCHN			A	Anh B					V.08.06.16	
8	Trần Thị Anh Thư	01/10/1983		x	Hộ sinh hạng IV	Sân	17	V.08.06.16	3,65		CN ĐD PS	CCHN			Cơ bản	Anh B					V.08.06.16	
9	Ngô Thảo Nguyệt Vân	06/10/1988		x	Hộ sinh hạng IV	Sân	15	V.08.06.16	3,34		CN ĐD PS	CCHN			Cơ bản	Anh B					V.08.06.16	



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
10	Đông Thị Như Hậu	07/06/1987		x	Hộ sinh hạng IV	Sản	15	V.08.06.16	3,34		CN ĐD PS	CCHN			Cơ bản	Anh B					V.08.06.16	
11	Đỗ Thị Thanh Huyền	02/01/1989		x	Hộ sinh hạng IV	Sản	10	V.08.06.16	2,72		CN ĐD PS	CCHN			A	Anh B					V.08.06.16	
12	Phạm Thị Xuân My	15/05/1988		x	Hộ sinh hạng IV	Sản	15	V.08.06.16	3,34		CN ĐD (HS)	CCHN			B	Anh B					V.08.06.16	
13	Thạch Nữ Mỹ Ngọc	27/12/1988		x	Hộ sinh hạng IV	GTVT	12	V.08.06.16	3,03		CN ĐD PS	CCHN			Cơ bản	Anh B					V.08.06.16	
14	Nguyễn Thị Phương Thúy	11/02/1983		x	Hộ sinh hạng IV	Khám bệnh	14	V.08.06.16	3,34		CN ĐD PS	CCHN			B	Anh B					V.08.06.16	
<b>Kỹ thuật y hạng III</b>																						
1	Nguyễn Thị Bảo Châu	28/07/1989		x	Kỹ thuật y hạng IV	HSVS	12	V.08.07.19	3,03		CN XN y học	CCHN			Cơ bản	Anh B					V.08.07.18	
2	Nguyễn Hà	04/11/1989	x		Kỹ thuật y hạng IV	GPB	13	V.08.07.19	3,34		CN KTXNYH	CCHN			B	Anh B1					V.08.07.18	
3	Phan Thị Anh Thư	10/02/1986		x	Kỹ thuật y hạng IV	HSVS	13	V.08.07.19	3,03		CN XN y học	CCHN			Cơ bản	Anh B					V.08.07.18	
4	Nguyễn Thị Hải Lý	09/04/1991		x	Kỹ thuật y hạng IV	HSVS	10	V.08.07.19	2,72		CN XN y học	CCHN			B	Anh B					V.08.07.18	
5	Trần Trương Giáng Mai	02/05/1989		x	Kỹ thuật y hạng IV	HSVS	10	V.08.07.19	2,72		CN XNYH	CCHN			Cơ bản	Anh B					V.08.07.18	
6	Thập Thảo Nguyên	01/11/1985		x	Kỹ thuật y hạng IV	HHTM	16	V.08.07.19	3,34		CN XN YHDP	CCHN			A	Anh B					V.08.07.18	
7	Trương Duy Phú	19/02/1991	x		Kỹ thuật y hạng IV	HSVS	8	V.08.07.19	2,72		CN KT XNYH	CCHN			B	Anh B					V.08.07.18	
8	Nguyễn Văn Hậu	18/12/1994	x		Kỹ thuật y hạng IV	HHTM	8	V.08.07.19	2,72		CN KTXNYH	CCHN			A	Anh B					V.08.07.18	
9	Ngô Văn Phi	05/03/1991	x		Kỹ thuật y hạng IV	GPB	8	V.08.07.19	2,72		CN KT XNYH	CCHN			Cơ bản	Anh B					V.08.07.18	
10	Huỳnh Tấn Huy	20/10/1997	x		Kỹ thuật y hạng IV	HSVS	5	V.08.07.19	2,41		CN KT XNYH	CCHN			Cơ bản	Anh B					V.08.07.18	
11	Lê Thanh Phương	12/03/1990		x	Kỹ thuật y hạng IV	HSVS	12	V.08.07.19	3,03		CN XN y học	CCHN			Cơ bản	Anh A					V.08.07.18	



